

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 05-6-2025.

“V/v Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Thế Lâm.

+ Bà Đặng Hoàng Ái Thuy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh, Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố Huế: Ông Nguyễn Trần Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H, số E L, thị trấn P, huyện P, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2025 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐ-ST ngày 20/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: TDP D, thị trấn P, huyện P, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị T1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, thành phố H. Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Trần Quốc T đề ngày 11/01/2025 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn anh Trần Quốc T trình bày:

Anh T2 và chị T1 quen nhau, tìm hiểu và kết hôn tự nguyện từ năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, thành phố H vào ngày 22/3/2024. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn, rồi phát sinh mâu thuẫn, anh T2 khai rằng chị T1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ tôi không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người khác, nên vợ chồng sống ly thân

từ tháng 8/2024 đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên khả năng vợ chồng đoàn tụ là không thể. Do đó, anh T2 muốn được ly hôn với chị T1 để ổn định cuộc sống riêng.

Quá trình sống chung, vợ chồng anh T2 và chị T1 không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Quốc T khai không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị T1: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T1 nhưng chị T1 không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã liên hệ nhiều lần giao giấy triệu tập, Thông báo cho chị T1 (tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T1; niêm yết tại nhà chị T1 (nhà bố mẹ chị T1 ở Thôn T, xã L) và tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã L cũng như tại Ủy ban nhân dân thị trấn P) nhưng chị T1 vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T1 đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú thì được cho biết: Vợ chồng anh T chị T1 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P. Quá trình sống chung thì địa phương không rõ vợ chồng anh T chị T1 có mâu thuẫn gì vì thực tế ở địa phương không xảy ra ồn ào. Hiện tại, ở nhà anh T tại Tổ dân phố D, thị trấn P chị T1 không còn sống ở đó, chị T1 đi đâu không ai biết.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho anh Trần Quốc T được ly hôn với chị Lê Thị T1. Về con chung: Anh T2 và chị T1 không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Quốc T khai nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Quốc T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng anh Trần Quốc T và chị Lê Thị T1 kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, thành phố H, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2024 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng không hợp tính tình nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã và anh T khai rằng chị T1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng sống ly thân đã lâu và không có khả năng hàn gắn để đoàn tụ nên anh T muốn được ly hôn với chị T1 để ổn định cuộc sống riêng.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn anh Trần Quốc T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn chị Lê Thị T1 được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xem như chị T1 từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trước phiên tòa, Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị T1.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị T1 đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng giữa họ thực sự đã hết, khả năng đoàn tụ vợ chồng là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại, anh T và chị T1 đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh T2 và chị T1 không có con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T2 thừa nhận là vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Tuấn phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 144, Điều 147, Điều 205, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn anh Trần Quốc T.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Quốc T được ly hôn với chị Lê Thị T1.

2. Về con chung: Anh Trần Quốc T và chị Lê Thị T1 không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Quốc T thừa nhận là không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: 0005485 ngày 14/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Lộc, thành phố H. Anh T2 đã nộp đủ và không phải nộp thêm.

5. Anh Trần Quốc T và chị Lê Thị T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục huyện Phú Lộc;
- UBND thị trấn Phú Lộc,
- số ĐK 27, ngày 22/3/2024;
- Các đương sự;
- Lưu:HSVA;HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền